TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2019/KDTM-PT
Ngày: 29-10-2019
V/v tranh chấp: *"Hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hồng Hà**
Các Thẩm phán: 1/ Ông **Vương Minh Tâm**
2/ Ông **Đặng Văn Lộc**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Bùi Thị Kim Yến** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Phúc Vinh** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2019/TLPT-KDTM ngày 11/7/2019 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 18/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long bị kháng nghị, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 27/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Ngân hàng K**; địa chỉ: Đường P, Phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Minh Khánh D** – Chức vụ: Trưởng Phòng Kinh doanh Ngân hàng K - Chi nhánh V; địa chỉ: Phường 1, thành phố V, tỉnh V (Theo văn bản ủy quyền số 45/UQ-CNVL ngày 25/9/2019). (Có mặt).

* *Bị đơn*:

1/ Ông **Trần Văn H** - Sinh năm 1944 (Có mặt)

2/ Bà **Đặng Thị M** - Sinh năm 1948 (Vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Ấp P, xã A, huyện M, tỉnh V.

Người đại diện hợp pháp của bà Đặng Thị M: Ông **Trần Văn H** - nơi cư trú: Ấp P, xã A, huyện M, tỉnh V. (Có mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông **Nguyễn Thành L1** - Sinh 1970 (Có mặt)

2. Bà **Trần Thu P1** - Sinh 1971 (Có mặt)

3. Bà **Nguyễn Thị H** - Sinh năm 1986 (Vắng mặt)

4. Ông **Nguyễn Minh L2** - Sinh năm 1988 (Vắng mặt)

5. Bà **Nguyễn Thị Cẩm G** - Sinh năm 1992 (Vắng mặt)

6. Bà **Cao Thị T1** - Sinh năm 1947 (Vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh V.

7. Ông **Đặng Quang N** - Sinh năm 1972; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện V, tỉnh V. (Vắng mặt)

8. Bà **Nguyễn Thanh D** – Sinh năm 1978; nơi cư trú: Ấp H, xã A, huyện M, tỉnh V. (Vắng mặt).

9. Ông **Phạm Minh L3** – Sinh năm 1979 (Có mặt)

10. Bà **Cao Thị Kim Y** - Sinh năm 1976 (Có mặt)

Cùng nơi cư trú: Ấp Q, xã H, huyện M, tỉnh V.

11. Ông **Nguyễn Tấn T2** - Sinh năm 1980 (Có mặt)

12. Bà **Cao Thị Yến P2** - Sinh năm 1981 (Có mặt)

Cùng nơi cư trú: Ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh V.

13. Ông **Phạm Minh T3** - Sinh năm 1983 (Có mặt)

14. Bà **Cao Thị Diễm P3** - Sinh năm 1983 (Có mặt)

Cùng nơi cư trú: Ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh V.

- *Người kháng nghị:* **Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện ngày 07/11/2018, nguyên đơn Ngân hàng K trình bày*:**

Ngày 22/4/2010, Ngân hàng K (viết tắt là Ngân hàng) có cho ông Trần Văn H và bà Đặng Thị M vay số tiền 750.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng số 0325/HĐTD. Mục đích ông H và bà M vay tiền là để mua xe ô tô con. Thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất trong hạn 1,7%/tháng, được điều chỉnh 03 tháng một lần. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trước thời hạn phát sinh nợ quá hạn. Hình thức thanh toán là sau mỗi quý 03 tháng bên vay trả gốc là 37.500.000đ. Lãi phạt chậm trả bằng 0,1%/ngày trên số tiền lãi chậm trả.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông H và bà M đã thế chấp các tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0325.1/HĐTC ngày 22/4/2010 giữa ông H, bà M với Ngân hàng và Hợp đồng thế chấp tài sản số 0325.2/HĐTC ngày 22/4/2010 giữa ông H, bà M, Ngân hàng và ông Nguyễn Thành L1, bà Trần Thu P1, cụ thể tài sản thế chấp gồm:

- Một xe ô tô con, nhãn hiệu Ford 07 chỗ ngồi, sản xuất năm 2010, màu xám, số máy WLAT- 11429999, số khung RL05SUHMMALR- 14442; biển số kiểm soát 64H- 6629, ông Trần Văn H đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe do Công an tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 14/4/2010.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 812, tờ bản đồ số 03, diện tích 10.165,7m^2, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Quang Trường, xã Hiếu Thuận, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, do ông Nguyễn Thành L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số phát hành AO 904623, số vào sổ H 68003, Ủy ban nhân dân huyện Vũng Liêm cấp ngày 20/4/2009.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 174, tờ bản đồ số 05, diện tích 490m^2, loại đất thổ vườn, tọa lạc tại ấp An Lạc Tây, xã Trung Hiếu, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, do ông Nguyễn Thành L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số phát hành U 157649, số vào sổ 56623, Ủy ban nhân dân huyện Vũng Liêm cấp ngày 06/8/2002.

Hợp đồng thế chấp tài sản số 0325.1/HĐTC ngày 22/4/2010 được công chứng tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Vĩnh Long vào ngày 22/4/2010 và được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 13/5/2010 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng thế chấp tài sản số 0325.2/HĐTC ngày 22/4/2010 được công chứng tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Vĩnh Long vào ngày 22/4/2010 và được đăng ký giao dịch bảo đảm cùng ngày tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Đến hạn trả nợ, ông H và bà M cam kết nhiều lần nhưng không thực hiện. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H và bà M trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 18/3/2019 là: Nợ gốc là 525.000.000đ; nợ lãi trong hạn là 187.171.109đ; nợ lãi quá hạn là 810.485.531đ; tiền phạt chậm trả lãi là 669.261.109đ; đồng thời, yêu cầu ông H và bà M trả lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán dứt nợ.

***Bị đơn Trần Văn H trình bày*:**

Ông H thừa nhận lời trình bày của Ngân hàng là đúng sự thật. Hiện nay, ông H và bà M còn nợ Ngân hàng đúng như yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Mục đích vay tiền Ngân hàng là để mua xe con nhằm mục đích kinh doanh để kiếm lời. Nhưng sau khi vay tiền của Ngân hàng để mua xe ô tô con mang biển số 64H- 6629, ông H và bà M đã cho Đặng Quang N và vợ là Nguyễn Thanh D thuê xe hoạt động kinh doanh nhưng vợ chồng N và D đã lấy xe đi mất nên chưa có điều kiện trả nợ Ngân hàng. Ông H và bà M yêu cầu Ngân hàng cho gia hạn nợ.

Đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của Nguyễn Thành L1 là do Đặng Quang N mượn của ông L1. Ông H và bà M không trực tiếp mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L1.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thành L1 và Trần Thu P1 trình bày*:**

Trước đây, ông L1 và bà P1 có đứng ra thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ông H vay tiền. Ông L1 và bà P1 thừa nhận chữ ký trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản ngày 22/4/2010 là của ông bà nhưng ông bà chỉ nhận 30.000.000đ, còn lại do ông H nhận để chăn nuôi cá. Ông bà chỉ đồng ý chịu trách nhiệm 30.000.000đ, còn lại ông H chịu trách nhiệm. Ông bà

xác định quyền sử dụng đất thế chấp là của hộ gia đình nên không đồng ý cho Ngân hàng phát mãi để thu hồi nợ. Hiện nay các thửa đất 812 đã chuyển nhượng và cầm cố như sau:

- Chuyển nhượng cho Phạm Minh L3 05 công với giá từ 70.000.000đ đến 75.000.000đ/công.

- Chuyển nhượng cho Nguyễn Tấn T2 2,5 công với giá cũng từ 70.000.000đ đến 75.000.000đ/công.

- Cầm cố cho Phạm Minh T3 hết 3,5 công với giá 08 chỉ vàng 24 kara và 10.000.000đ.

Việc chuyển nhượng và cầm cố chỉ thực hiện bằng giấy tay.

Trường hợp bị phát mãi quyền sử dụng thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng, ông L1 và bà P1 tự thỏa thuận giải quyết hậu quả việc chuyển nhượng, cầm cố quyền sử dụng đất với ông Phạm Minh T3, ông Phạm Minh L3 và ông Nguyễn Tấn T2; không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc chuyển nhượng, cầm cố quyền sử dụng đất trong cùng một vụ án.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Minh T3 trình bày*:**

Vào khoảng năm 2013, 2014, ông T3 cùng vợ là bà Cao Thị Diễm P3 nhận cầm cố của ông L1 và bà P1 01 công đất chiết thửa 812 với giá 08 chỉ vàng 24kara. Đến tháng 10/2018, tiếp tục cầm cố thêm 02 công chiết thửa 812 với giá 10.000.000đ. Khi cầm cố chỉ lập giấy tay và hẹn đến tháng 10/2019 sẽ cho chuộc lại. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền phát mãi đất đã cầm cố của ông L1 và bà P1 để thu hồi nợ, ông T3 và bà P3 sẽ tự giải quyết hậu quả với ông L1 và bà P1; không yêu cầu giải quyết hậu quả này trong cùng vụ án.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Minh L2 và Cao Thị Kim Y trình bày*:**

Ngày 20/12/2016, ông L2 cùng vợ là bà Cao Thị Kim Y nhận chuyển nhượng của ông L1 và bà P1 02 công đất chiết thửa 812 với giá 170.000.000đ. Đến năm 2015, vợ chồng ông L2 nhận chuyển nhượng thêm của ông L1 và bà P1 01 công đất chiết thửa 812 với giá là 75.000.000đ; hai bên chỉ lập giấy tay. Ông L2 và bà Y đã nhận đất canh tác cho đến nay. Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền phát mãi đất đã cầm cố của ông L1 và bà P1 để thu hồi nợ cho Ngân hàng, ông L2 và bà Y sẽ tự giải quyết hậu quả với ông L1 và bà P1; không yêu cầu giải quyết hậu quả này trong cùng vụ án.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tấn T2 trình bày*:**

Ngày 20/12/2016, ông T2 cùng vợ là bà Cao Thị Yến P2 nhận chuyển nhượng của ông L1 và bà P1 2,5 công đất chiết thửa 812 với giá 175.000.000đ; hai bên chỉ lập giấy tay. Ông T2 và bà P2 đã nhận đất canh tác cho đến nay. Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền phát mãi đất đã cầm cố của ông L1 và bà P1 để thu hồi nợ cho Ngân hàng, ông T2 và bà P2 sẽ tự giải quyết hậu quả với ông L1 và bà P1; không yêu cầu giải quyết hậu quả này trong cùng vụ án.

*** Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 18/3/2019, Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:**

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng K:

1. Buộc Ông Trần Văn H và bà Đặng Thị M trả Ngân hàng K nợ đến ngày 18/3/2019 là 2.191.917.842đ (hai tỷ một trăm chín mươi mốt triệu chín trăm mười bảy ngàn tám trăm bốn mươi hai đồng), trong đó: Nợ gốc là 525.000.000đ, nợ lãi trong hạn 187.171.201đ, nợ phạt chậm trả 669.261.109đ, lãi quá hạn 810.485.531đ.

Buộc ông Trần Văn H và bà Đặng Thị M tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng số 0325/HĐTD ngày 22/4/2010 đến khi thanh toán xong nợ.

2. Tuyên bố vô hiệu một phần hợp đồng thế chấp tài sản số 0325.2/HĐTC ngày 22/4/2010 đối với thửa đất 174, do Nguyễn Thành L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số phát hành U 157649, số vào sổ 56623, Ủy ban nhân dân huyện Vũng Liêm cấp ngày 06/8/2002.

3. Buộc Ngân hàng K trả Nguyễn Thành L1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số phát hành U 157649, số vào sổ 56623, Ủy ban nhân dân huyện Vũng Liêm cấp ngày 06/8/2002 do Nguyễn Thành L1đứng tên.

4. Trường hợp ông Trần Văn H và bà Đặng Thị M không khả năng trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, Cơ quan có thẩm quyền có quyền kê biên phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng K theo thứ tự sau:

4.1. Một xe ô tô con, nhãn hiệu Ford 07 chỗ ngồi, sản xuất năm 2010, màu xám, số máy WLAT- 11429999, số khung RL05SUHMMALR- 14442; biển số kiểm soát 64H- 6629, do Trần Văn H đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe do Công an tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 14/4/2010.

4.2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất thế chấp mang số 812, tờ bản đồ số 03, diện tích 10.165,7m^2, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Quang Trường, xã Hiếu Thuận, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số phát hành AO 904623, số vào sổ H 68003, Ủy ban nhân dân huyện Vũng Liêm cấp ngày 20/4/2009 do Nguyễn Thành L1 đứng tên.

5. Trường hợp các tài sản phát mãi ở mục 4 không đảm bảo trả nợ, thì Ngân hàng K có quyền khởi kiện vụ án khác để yêu cầu xác định phần tài sản thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của ông L1 và bà P1 trong khối tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất 174 và tài sản gắn liền thửa đất 174 để phát mãi thu hồi nợ cho Ngân hàng K.

Thửa đất 174, tờ bản đồ số 5, diện tích 490m^2, loại đất thổ vườn, tọa lạc tại ấp An Lạc Tây, xã Trung Hiếu, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, do Nguyễn Thành L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số phát hành U 157649, số vào sổ 56623, Ủy ban nhân dân huyện Vũng Liêm cấp ngày 06/8/2002.

6. Dành cho anh Phạm Minh T3, chị Cao Thị Diễm P3, anh Phạm Minh L3, chị Cao Thị Kim Y, anh Nguyễn Tấn T2, chị Cao Thị Yến P2 một vụ kiện khác đối với ông Nguyễn Thành L1 và bà Trần Thu P1 để giải quyết hậu quả

của việc cầm cố, chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 812, nếu như không tự thỏa thuận giải quyết xong hậu quả.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 16/4/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long kháng nghị bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 18/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, đề nghị sửa bản án sơ thẩm do có vi phạm về nội dung:

- Buộc thực hiện nghĩa vụ phạt chậm trả lãi bằng 0,1%/ngày trên số tiền lãi chậm trả không đúng quy định pháp luật;

- Vô hiệu một phần hợp đồng thế chấp số 0325.2/HĐTC ngày 22/4/2010 đối với thửa đất số 174 do ông Nguyễn Thành L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng pháp luật;

- Buộc thực hiện nghĩa vụ bảo đảm không đúng thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về phần lãi phạt chậm trả lãi đối với ông Trần Văn H và bà Đặng Thị M, thống nhất với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn xin giảm lãi, thống nhất với việc rút yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về phần lãi phạt chậm trả lãi của Ngân hàng.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa đều thống nhất với bản án sơ thẩm, không có ý kiến đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 284, 289 và 299, các khoản 2, 4 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ Điều 12, khoản 3 Điều 29, Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ phạt chậm trả lãi bằng 0,1%/ngày với số tiền chậm trả lãi là 669.261.109đ; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long, sửa bản kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 18/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long về xử lý tài sản bảo đảm theo nội dung kháng nghị; nguyên đơn và bị đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H, Nguyễn Minh L2, Nguyễn Thị Cẩm G, Cao Thị T1, Đặng Quang N và Nguyễn Thanh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Ngân hàng K đã rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi phạt chậm trả lãi đối với bị đơn là ông Trần Văn H và bà Đặng Thị M. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là tự nguyện, bị đơn đồng ý; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long cũng đã rút một phần kháng nghị về phần lãi phạt chậm trả lãi này; do đó, căn cứ các Điều 284, 289, 299, khoản 4 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần tính lãi phạt chậm trả lãi đối với bị đơn.

[3] Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc vô hiệu một phần hợp đồng thế chấp số 0325.2/HĐTC ngày 22/4/2010 đối với thửa đất số 174 do ông Nguyễn Thành L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng pháp luật, xét thấy:

Bản án sơ thẩm đã tuyên vô hiệu một phần Hợp đồng thế chấp tài sản số 0325.2/HĐTC ngày 22/4/2010 đối với thửa đất 174, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp An Lạc Tây, xã Trung Hiếu, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Thành L1 đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với lý do: Tại thời điểm thế chấp, bà Trần Thu P1 là vợ ông Nguyễn Thành L1 đã xây dựng nhà ở và vật kiến trúc khác hết diện tích thửa đất; nhà ở là tài sản phục vụ chung cho hộ gia đình ông L1 nên xác định đây là tài sản chung của hộ gia đình ông L1; khi ký hợp đồng thế chấp, ông L1và bà P1 không thông qua ý kiến của tất cả các thành viên trong hộ gia đình. Tuy nhiên, theo Công văn số 143/UBND ngày 11/3/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long và hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 174 thì thửa đất 174 được Ủy ban nhân dân huyện Vũng Liêm cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Thành L1, bà Trần Thu P1 mà không phải cấp cho hộ gia đình ông L1. Do đây là tài sản của vợ chồng ông L1 và bà P1 nên việc ông L1 và bà P1 thế chấp tài sản của mình cho Ngân hàng là thực hiện đúng quyền của chủ sử dụng đất theo quy định tại Điều 197 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 106 của Luật đất đai năm 2003 và không nhất thiết phải có ý kiến đồng ý của các thành viên khác trong gia đình ông L1, bà P1. Mặt khác, xét thấy, theo Hợp đồng thế chấp tài sản thì ông L1 và bà P1 chỉ thế chấp quyền sử dụng đất mà không thế chấp tài sản gắn liền với đất; hợp đồng này được công chứng và việc thế chấp được đăng ký hợp lệ tại cơ quan đăng ký đất đai có thẩm quyền theo đúng quy định tại các điều 343, 689 và 692 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên việc thế chấp này có hiệu lực. Do đó, trong trường hợp ông H và bà M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền xử lý hoặc yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa 174 theo hợp đồng thế

chấp tài sản mà các bên đã ký kết. Như vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long về nội dung này là có căn cứ.

[4] Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc bản án sơ thẩm buộc thực hiện nghĩa vụ bảo đảm không đúng thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp tài sản, xét thấy:

Theo thỏa thuận của Ngân hàng, ông H, bà M, ông L1 và bà P1 tại Điều 1 và Điều 2 của Hợp đồng thế chấp tài sản số 0325.2/HĐTC ngày 22/4/2010 thì tài sản thế chấp là thửa đất số 812, tờ bản đồ số 03, diện tích 10.165,7m^2, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Quang Trường, xã Hiếu Thuận, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long và thửa đất số 174, tờ bản đồ số 05, diện tích 490m^2, loại đất thổ vườn, tọa lạc tại ấp An Lạc Tây, xã Trung Hiếu, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, cùng do ông Nguyễn Thành L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các tài sản này được thế chấp để bảo đảm một phần của hợp đồng tín dụng là 350.000.000đ trong tổng số tiền vay 750.000.000đ (bao gồm tiền gốc, tiền lãi, ...). Như vậy, theo thỏa thuận này thì trong trường hợp ông H và bà M không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng chỉ được yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đủ để thanh toán đối với khoản tiền gốc là 350.000.000đ và khoản tiền lãi của khoản nợ gốc này gồm lãi trong hạn là 87.352.757đ, lãi quá hạn là 378.253.597đ (tính đến ngày 18/3/2019) và lãi phát sinh trên số nợ gốc này kể từ ngày 19/3/2019 cho đến khi dứt nợ. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm lại quyết định xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ mà không giới hạn trong phạm vi số tiền bảo đảm là trái với nội dung thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 0325.2/HĐTC ngày 22/4/2010, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông L1 và bà P1. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long về nội dung này là có căn cứ.

[5] Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đã thống nhất toàn bộ các nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long và có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như các nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long; do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Như vậy, đối với các nội dung kháng nghị nêu trên của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long, sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 18/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long theo hướng phân tích trên.

[7] Về án phí: Do ông H và bà M là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên ông bà được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 284, Điều 289, Điều 299, khoản 2 và khoản 4 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Hủy một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 18/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng K về việc buộc ông Trần Văn H và bà Đặng Thị M trả cho Ngân hàng số tiền lãi phạt chậm trả lãi theo Hợp đồng tín dụng số 0325/HĐTD ngày 22/4/2010.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 18/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng các Điều 342, 343, 355, 689, 692, 715, 716 và 721 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 106 của Luật đất đai năm 2003, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng K:

1. Buộc Ông Trần Văn H và bà Đặng Thị M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng K số tiền còn nợ tính đến ngày 18/3/2019 là: ***1.522.656.640đ*** *(Một tỷ năm trăm hai mươi hai triệu sáu trăm năm mươi sáu ngàn sáu trăm bốn mươi đồng)*, trong đó: Nợ gốc là 525.000.000đ, nợ lãi trong hạn là 187.171.109đ và nợ lãi quá hạn là 810.485.531đ.

Buộc ông Trần Văn H và bà Đặng Thị M tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc cho Ngân hàng K theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0325/HĐTD ngày 22/4/2010 kể từ ngày 19/3/2019 cho đến khi thu hồi hết nợ gốc.

2. Trong trường hợp ông Trần Văn H và bà Đặng Thị M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng K thì Ngân hàng được quyền xử lý hoặc yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp theo thứ tự sau:

- Một xe ô tô con, nhãn hiệu Ford 07 chỗ ngồi, sản xuất năm 2010, màu xám, số máy WLAT- 11429999, số khung RL05SUHMMALR- 14442; biển số kiểm soát 64H- 6629, do Trần Văn H đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe do Công an tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 14/4/2010.

- Quyền sử dụng đất thửa số ***812***, tờ bản đồ số 03, diện tích 10.165,7m^2, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Quang Trường, xã Hiếu Thuận, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, do ông Nguyễn Thành L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số phát hành AO 904623, số vào sổ H 68003, Ủy ban nhân dân huyện Vũng Liêm cấp ngày 20/4/2009; Quyền sử dụng đất thửa số ***174***, tờ bản đồ số 05, diện tích 490m^2, loại đất thổ vườn, tọa lạc tại ấp An Lạc Tây, xã Trung Hiếu, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, do ông Nguyễn Thành

L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số phát hành U 157649, số vào sổ 56623, Ủy ban nhân dân huyện Vũng Liêm cấp ngày 06/8/2002.

Việc xử lý tài sản thế chấp đối với hai thửa đất nêu trên để đảm bảo thi hành cho khoản tiền nợ gốc 350.000.000đ và khoản tiền lãi của khoản nợ gốc này gồm lãi trong hạn là 87.352.757đ và lãi quá hạn là 378.253.597đ tính đến ngày 18/3/2019, và lãi phát sinh trên dư nợ gốc này kể từ ngày 19/3/2019 cho đến khi thu hồi hết nợ gốc này.

3. Dành cho ông Phạm Minh T3, bà Cao Thị Diễm P3, ông Phạm Minh L3, bà Cao Thị Kim Y, ông Nguyễn Tấn T2, bà Cao Thị Yến P2 một vụ kiện khác đối với ông Nguyễn Thành L1 và bà Trần Thu P1 để giải quyết hậu quả của việc cầm cố, chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 812, nếu như không tự thỏa thuận giải quyết được.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Miễn án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm cho ông Trần Văn H và bà Đặng Thị M.

Hoàn trả cho Ngân hàng K số tiền tạm ứng án phí 33.595.000đ (Ba mươi ba triệu năm trăm chín mươi lăm ngàn đồng) mà Ngân hàng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long theo biên lai thu số 0006263 ngày 18/3/2018.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh VL;
- TAND huyện Mang Thít;
- Chi cục THA huyện Mang Thít;
- Đ/s;
- Lưu: Tòa Kinh tế; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng Hà